

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024
ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN SƠN HÀ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2-1</i>
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp			
1	Doanh thu	40.839.976.595	40.839.976.595	0
	a. Từ NSNN cấp	40.839.976.595	40.839.976.595	0
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài			
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại			
2	Chi phí	37.785.726.244	37.785.726.244	0
	a. Chi phí hoạt động	37.785.726.244	37.785.726.244	0
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài			
	c. Chi phí hoạt động thu phí			
3	Thặng dư/thâm hụt	3.054.250.351	3.054.250.351	0
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ			
1	Doanh thu	12.315.557.674	12.315.557.674	0
2	Chi phí	12.062.688.322	12.062.688.322	0
3	Thặng dư/thâm hụt	252.869.352	252.869.352	0
III	Hoạt động tài chính			
1	Doanh thu	532.278	532.278	
2	Chi phí	532.278	532.278	
3	Thặng dư/thâm hụt		0	
IV	Hoạt động khác			
1	Thu nhập khác			
2	Chi phí khác			
3	Thặng dư/thâm hụt			
V	Chi phí thuế TNDN			
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm	3.307.119.703	3.307.119.703	0
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính			
2	Phân phối cho các quỹ	3.054.250.351	3.054.250.351	0
3	Kinh phí cải cách tiền lương	88.504.000	88.504.000	0

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024
ĐƠN VỊ : TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN SƠN HÀ
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A		1	2	3=2-1
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	0	0	0
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC	0	0	0
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	2.916.750.963	2.916.750.963	0
1.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	2.818.050	2.818.050	0
	- Kinh phí đã nhận	0	0	0
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	2.818.050	2.818.050	0
1.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	2.913.932.913	2.913.932.913	0
	- Kinh phí đã nhận	0	0	0
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	2.913.932.913	2.913.932.913	0
2	Dự toán được giao trong năm	38.692.767.000	38.692.767.000	0
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	32.265.000.000	32.265.000.000	0
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	6.427.767.000	6.427.767.000	0
3	Tổng số được sử dụng trong năm	41.609.517.963	41.609.517.963	0
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	32.267.818.050	32.267.818.050	
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	9.341.699.913	9.341.699.913	
4	Kinh phí thực nhận trong năm	40.794.523.595	40.794.523.595	0
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	32.231.833.113	32.231.833.113	0
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	8.562.690.482	8.562.690.482	0
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	40.794.523.595	40.794.523.595	0
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	32.231.833.113	32.231.833.113	0
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	8.562.690.482	8.562.690.482	0
6	Kinh phí giảm trong năm	779.009.431	779.009.431	0
6.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	0	0	0
	- Đã nộp NSNN	0	0	0
	- Còn phải nộp NSNN	0	0	0
	- Dự toán bị hủy	0	0	0
6.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	779.009.431	779.009.431	0
	- Đã nộp NSNN	0	0	0
	- Còn phải nộp NSNN	0	0	0
	- Dự toán bị hủy	779.009.431	779.009.431	0
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	35.984.937	35.984.937	0
7.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	35.984.937	35.984.937	0

		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A		1	2	3=2-1
	- Kinh phí đã nhận	0	0	0
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	35.984.937	35.984.937	0
7.2	<i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>	0	0	0
	- Kinh phí đã nhận	0	0	0
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	0	0	0
II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ	0	0	0
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	0
2	Dự toán được giao trong năm		0	0
3	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm		0	0
	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng		0	0
	- Số đã ghi thu, ghi chi	0	0	0
4	Kinh phí được sử dụng trong năm		0	0
5	Kinh phí đề nghị quyết toán		0	0
6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	0	0	0
III	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI	0	0	0
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	0
	- Kinh phí đã ghi tạm ứng	0	0	0
	- Số dư dự toán	0	0	0
2	Dự toán được giao trong năm	0	0	0
3	Tổng số được sử dụng trong năm	0	0	0
4	Tổng kinh phí đã vay trong năm	0	0	0
	- Số đã ghi vay, ghi tạm ứng NSNN	0	0	0
	- Số đã ghi vay, ghi chi NSNN	0	0	0
5	Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán	0	0	0
6	Kinh phí giảm trong năm	0	0	0
	- Đã nộp NSNN	0	0	0
	- Còn phải nộp NSNN	0	0	0
	- Dự toán bị hủy'	0	0	0
7	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán'	0	0	0
	- Kinh phí đã ghi tạm ứng	0	0	0
	- Số dư dự toán	0	0	0
8	Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN	0	0	0